

Biểu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính

TRƯỜNG THCS TRỌNG ĐIỂM
CHƯƠNG: 622 LOẠI 490 KHOẢN 493

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Hạ Long, Ngày 10 tháng 7 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Trung học cơ sở Trọng Điểm công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách quý 2 năm 2020 như sau

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/ 6 tháng/năm	Ước thực hiện/ dự toán năm (tỷ lệ%)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ
	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Thu học phí	810.000.000	261.450.000	0,32	154,3
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp	810.000.000	136.285.680	0,168	101,9
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
b	xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
b	chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				



	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.782.980.000	-		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	2 Nghiên cứu khoa học				
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.1	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	7.782.980.000			
3	3.1 Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.780.830.000	1.713.825.095	0,2	1,11
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3.2	xuyên	2.150.000	0	-	0,00
4	4 Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4.2	xuyên				
5	5 Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5.2	xuyên				
6	6 Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6.2	xuyên				
7	7 Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7.2	xuyên				

8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu				
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
2	Chi Chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)				

Thủ trưởng đơn vị



Đàm Thị Thanh Tâm

